

Nội dung, đối tượng	Trình độ chuyên môn			Lý luận chính trị			Bồi dưỡng quản lý nhà nước hoặc tương đương				Bồi dưỡng An ninh quốc phòng				Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý				Ngoại ngữ						Tin			Chứng chỉ, chứng nhận Tiếng dân tộc	Bồi dưỡng cấp nhật kiến thức	Bồi dưỡng ở nước ngoài						
	Trình độ chuyên môn			Lý luận chính trị			Bồi dưỡng quản lý nhà nước hoặc tương đương				Bồi dưỡng An ninh quốc phòng				Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý				Ngoại ngữ						Tin											
	Tiến sĩ	Đại học	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa được đào tạo	CVCC hoặc tương đương	CVCV hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Chưa được bồi dưỡng	Chưa được bồi dưỡng	đt 1	đt 2	đt 3	đt 4	Lãnh đạo cấp sở	Lãnh đạo cấp phòng	Chưa được bồi dưỡng	Cử nhân	CC 4 và tương trở lên	CC 3 và tương đương	CC 2 và tương đương	CC 1 và tương đương	Chưa được đào tạo, bồi dưỡng	Từ trung cấp trở lên	Có Chứng chỉ bồi tạo, bồi dưỡng				Chưa được đào tạo, bồi dưỡng	28	29	30	31	32
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34			
	1											01																								
- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phòng, khoa, ban...																																				
- Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý																																				
b. Viên chức công chức, viên chức quy hoạch																																				
II. Cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch																																				
I. Cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính																																				
- Cán bộ, công chức quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo cấp sở, ngành và tương đương (Giám đốc, Phó Giám đốc sở, ngành và tương đương)																																				
- Cán bộ, công chức quy hoạch giữ chức vụ trưởng, phó phòng cấp sở, ngành và tương đương																																				
- Cán bộ, công chức quy hoạch giữ chức vụ trưởng, phó phòng cấp sở, ngành và tương đương																																				
2. Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập																																				
- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý																																				
- Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng, ban, khoa...																																				

Ghi chú: - Mục A: Thống kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế.
- Tại các ô trống kê tiếp liên bảng con số, không đánh dấu X hoặc ký hiệu khác.
- Trường phòng và tương đương gồm: trường phòng, ban, chi cục trường..... trực thuộc sở, ngành; Phó trưởng phòng và tương đương gồm: phó trưởng phòng, ban, phó chi cục trưởng, trưởng phòng chi cục..... trực thuộc sở, ngành.
- Tại các mục thông về trình độ đào tạo chuyên môn, lý luận chính trị và bồi dưỡng quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, an ninh quốc phòng chi thông kê 1 trình độ đào tạo, bồi dưỡng cao nhất.
- Tại mục 12 - 15 bồi dưỡng Quản lý nhà nước hoặc tương đương: chuyên viên hoặc tương đương (phòng viên hạng III, kế toán viên, ...)
- Tại mục 24 - 27: Bậc 4 và tương đương; B2; Bậc 3 và tương đương; Chứng chỉ trình độ C, B1; Bậc 2 và tương đương; Chứng chỉ B, A2; Bậc 1 và tương đương; Chứng chỉ A, A1.
- Tại mục (29) Có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin
- Tại mục (33) Bồi dưỡng cấp nhật kiến thức theo Quy định 164-QĐ/TW ngày 01/2/2013 của Bộ Chính trị và Chế độ bồi dưỡng, cấp nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.



KẾT QUẢ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIAI ĐOẠN 2015 - 2021 (đến ngày 31/8/2021)
 (Ban hành kèm theo Báo cáo số 1358/BC-VP ngày 08/9/2021 của Văn phòng UBND tỉnh)

MÀU 06

Số TT	Đổi tương	Tổng số	Đào tạo										Bồi dưỡng																			
			Chuyên môn										Quản lý nhà nước hoặc tương đương					Tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý					Bồi dưỡng An ninh quốc phòng									
			Tiền si		Thạc sĩ		Đại học		Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Trưởng, phó các Ban xây dựng Đảng và Văn phòng; mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh, huyện	Bí thư, Phó ủy cấp huyện và tương đương	Lãnh đạo cấp huyện	Lãnh đạo cấp phòng	đt 1	đt 2	đt 3	đt 4	Ngoại ngữ	Tin học	Bồi dưỡng, cấp nhật kiến thức	Bồi dưỡng về ngành lĩnh vực công tác	Bồi dưỡng ở nước ngoài	Khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9																							10	11
II Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện																																
1	Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	27									10	01		07					16	04	02	01	05									
2	Cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	32									01	10		06	09																	
III Viên chức cấp tỉnh, huyện																																
1	Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	05			01							04		03						04												
2	Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	10												04																		
Tổng cộng																																

Ghi chú: - Tài sản ô thông kê thể hiện bằng con số, không đánh dấu X hoặc ký hiệu khác.

- Tài mục 15 - 17 bồi dưỡng Quản lý nhà nước hoặc tương đương: chuyên viên hạng III, kế toán viên, ...)

- Tài mục 29: Bồi dưỡng cấp nhật kiến thức theo Quy định 164 - QĐ/TW ngày 01/2/2013 của Bộ Chính trị về Chế độ bồi dưỡng, cấp nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.



BAN TỔNG HÀNH CHÍNH
ỦY BAN
NHÂN DÂN

KẾ NHU CẦU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHỐI NHÀ NƯỚC CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2022 - 2025
Ban hành kèm theo Báo cáo số 1358/BC-VP ngày 08/9/2021 của Văn phòng UBND tỉnh

Mẫu 09

Nội dung, đối tượng	Tổng số	Đào tạo								Bồi dưỡng								Chứng chỉ, chứng nhận Tiếng dân tộc	Bồi dưỡng cấp nhất, kiến thức	Bồi dưỡng ở nước ngoài				
		Trình độ chuyên môn				Lý luận chính trị				Bồi dưỡng quản lý nhà nước hoặc tương đương				Bồi dưỡng An ninh quốc phòng							Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý			
		Trên sơ	Thạc sĩ	Đại học		Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp		CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	đt 1	đt 2	đt 3	đt 4	Lãnh đạo cấp sở				Lãnh đạo cấp phòng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
I. Cán bộ, công chức	59						02	07	07		02	02	07	06	03	09		06	06	06	06		15	0
Năm 2022							02	02	02		01	02	02		01	04		02	02	02	02		05	0
Giai đoạn 2023 - 2025								05	05		01	05	04		02	05		04	04	04	04		10	0
II. Viên chức	15							03	03			06	03		03			03	03	02	03		06	
Năm 2022								01	01			02	01		01			01	01	01	01		02	0
Giai đoạn 2023 - 2025								02	02			04	02		02			02	02	01	02		04	0

Ghi chú: - Tài các ô trống kê thể hiện bằng con số, không đánh dấu X hoặc ký hiệu khác.

- Tài mục 12 - 14 bồi dưỡng Quản lý nhà nước tương đương: chuyên viên hoặc tương đương (phòng viên hạng III, kế toán viên, ...)

- Tài mục 24: Bồi dưỡng cấp nhất kiến thức theo Quy định 164-QĐ/TW ngày 01/2/2013 của Bộ Chính trị về Chế độ bồi dưỡng, cấp nhất kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.